

Số: 2442 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hình thành từ
Dự án xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Thanh Hóa
(tuyến tránh phía Đông) được đầu tư theo hình thức
Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức Đối tác công tư;

- Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 1/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

- Xét Tờ trình số 96/TTr-CĐBVN ngày 19/12/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam kèm theo các tài liệu có liên quan và Tờ trình báo cáo số 2561/KH-TC-TC-TS ngày 26/12/2025 của Vụ Tài chính về việc báo cáo công tác xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Thanh Hóa (tuyến tránh phía Đông) được

đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), chi tiết theo phụ lục số 1, phụ lục số 2 kèm theo.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm toàn diện về:

- Hồ sơ, số liệu đã báo cáo đề xuất xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư;
- Việc thu hồi, tiếp nhận tài sản hình thành từ dự án;
- Công bố chấm dứt quyền thu phí của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án theo quy định pháp luật;
- Tổ chức quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ; Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm quản lý, bảo quản, thực hiện xử lý tài sản theo thẩm quyền được phân cấp hoặc báo cáo, đề xuất phương án xử lý các tài sản khác đã tiếp nhận từ dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Vận tải & An toàn giao thông; Cục trưởng các Cục: Đường bộ Việt Nam, Kết cấu hạ tầng giao thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục QLCS – Bộ Tài chính;
- Khu QLDB I – Cục ĐBVN;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để công khai);
- Lưu: VT, KH-TC (Kh).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tường Văn

BỘ XÂY DỰNG

PHỤ LỤC SỐ 1: DANH MỤC TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Dự án: Dự án xây dựng QL1 đoạn tránh TP Thanh Hóa (tuyến tránh phía Đông)

(Kèm theo Quyết định số: 2442 /QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính : VND

Số TT	Tên tài sản hạ tầng giao thông	Đơn vị tính/ Kí hiệu	Cấp, loại	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng/Khối lượng	Diện tích (m2)	Nguyên giá	Giá trị đã hao mòn	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Tình trạng tài sản	Ghi chú
	NGUỒN VỐN BOT (I+II+III)						9,9831		632.202.663.143	326.471.317.049	305.731.346.094		
I	Phần đường Km0+00 - Km9+980,32	Km	Cấp 3 đồng bằng	2005	01/01/2009	Thanh Hóa	9,2500		276.231.449.971	132.591.095.986	143.640.353.985	Bình thường	Nguyên giá tài sản xác định theo văn bản số 1740/TCĐBVN-TC ngày 26/3/2019; Quyết định số 454/QĐ-TCĐBVN Ngày 03/02/2017
II	Phần cầu	Km					0,7331		288.597.598.293	138.526.847.180	150.070.751.112		
1	Cầu Trần Hưng Đạo	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,2555	6.004	84.465.420.020	40.543.401.610	43.922.018.411	Bình thường	
2	Cầu vượt QL47	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,2555	1.932	80.116.543.782	38.455.941.015	41.660.602.766	Bình thường	
3	Cầu Đông Hải	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,1123	2.639	68.087.842.543	32.682.164.421	35.405.678.123	Bình thường	
4	Cầu Kênh Vinh	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,0822	6.004	41.668.706.584	20.000.979.160	21.667.727.424	Bình thường	
5	Cầu Quán Nam	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,0276	649	14.259.085.363	6.844.360.974	7.414.724.389	Bình thường	
III	Trạm thu phí - Nhà điều hành và các công trình, thiết bị phụ trợ		HTKT cấp III						67.373.614.880	55.353.373.883	12.020.240.997		
III.1	Trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	1		49.096.938.492	40.552.091.877	8.544.846.614	Bình thường	
III.2	Nhà điều hành thu phí 2 tầng và các công trình, thiết bị phụ trợ	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	1	800	10.247.849.544	8.538.797.067	1.709.052.477	Bình thường	
III.3	Nhà ăn, nghỉ giao ca CBCNV 2 tầng	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	1	980	7.382.276.794	5.758.175.900	1.624.100.895	Bình thường	
III.4	Nhà bảo vệ	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	1	13	112.074.641	87.418.220	24.656.421	Bình thường	
III.5	Nhà để xe đạp, xe máy (cột sắt + lợp mái tôn)	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	2	180	222.704.188	173.709.267	48.994.921	Bình thường	
III.6	Nhà gara ô tô + kho	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	1	65	224.073.607	174.777.413	49.296.193	Bình thường	
III.7	Nhà đặt máy phát điện dự phòng	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	1	12	87.697.614	68.404.139	19.293.475	Bình thường	

Ghi chú: Giá trị tại cột Nguyên giá và giá trị còn lại chưa bao gồm chi phí được phân bổ từ nguồn NSNN cho các chi phí của công trình theo quy định đã được Quyết toán tại Quyết định số 454/QĐ-TCĐBVN ngày 03/02/2017 và văn bản số 1740/TCĐBVN-TC ngày 26/3/2019

PHỤ LỤC SỐ 2: DANH MỤC TÀI SẢN KCHT GTĐB HẠCH TOÁN LẦN ĐẦU

Dự án: Dự án xây dựng QL1 đoạn tránh TP Thanh Hóa (tuyến tránh phía Đông)

(Kèm theo Quyết định số: 2442 /QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính : VND

Số TT	Tên tài sản hạ tầng giao thông	Đơn vị tính/ Kí hiệu	Cấp, loại	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng/K hối lượng	Diện tích (m2)	Nguyên giá			Giá trị đã hao mòn			Giá trị còn lại đến 31/12/2024			Tình trạng tài sản	Ghi chú
									Tổng nguyên giá	Vốn BOT	Vốn NSNN	Tổng	Vốn BOT	Vốn NSNN	Tổng	Vốn BOT	Vốn NSNN		
	NGUỒN VỐN BOT + NSNN (I+II+III)						9,98		773.361.663.143	632.202.663.143	141.159.000.000	394.227.637.049	326.471.317.049	67.756.320.000	379.134.026.094	305.731.346.094	73.402.680.000		
I	Phần đường Km0+00 - Km9+980,32	Km	Cấp 3 đồng bằng	2005	01/01/2009	Thanh Hóa	9,25		407.024.565.336	276.231.449.971	130.793.115.365	195.371.791.361	132.591.095.986	62.780.695.375	211.652.773.974	143.640.353.985	68.012.419.990	Bình thường	
II	Phần cầu	Km					0,73		298.963.482.928	288.597.598.293	10.365.884.635	143.502.471.805	138.526.847.180	4.975.624.625	155.461.011.122	150.070.751.112	5.390.260.010		Nguyên giá tài sản xác định theo văn bản số 1740/TCĐBVN-TC ngày 26/3/2019; Quyết định số 454/QĐ-TCĐBVN Ngày 03/02/2017. Cục ĐBVN cập nhật và chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm kê, kiểm đếm tài sản
1	Cầu Trần Hưng Đạo	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,26	6.004	88.078.137.964	84.465.420.020	3.612.717.943	42.277.506.223	40.543.401.610	1.734.104.613	45.800.631.741	43.922.018.411	1.878.613.331	Bình thường	
2	Cầu vượt QL47	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,26	1.932	83.729.261.725	80.116.543.782	3.612.717.943	40.190.045.628	38.455.941.015	1.734.104.613	43.539.216.097	41.660.602.766	1.878.613.331	Bình thường	
3	Cầu Đồng Hải	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,11	2.639	69.675.741.663	68.087.842.543	1.587.899.120	33.444.355.998	32.682.164.421	762.191.577	36.231.385.665	35.405.678.123	825.707.542	Bình thường	
4	Cầu Kênh Vinh	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,08	6.004	42.830.997.836	41.668.706.584	1.162.291.252	20.558.878.961	20.000.979.160	557.899.801	22.272.118.875	21.667.727.424	604.391.451	Bình thường	
5	Cầu Quán Nam	Cái		2005	01/01/2009	Thanh Hóa	0,03	649	14.649.343.740	14.259.085.363	390.258.377	7.031.684.995	6.844.360.974	187.324.021	7.617.658.745	7.414.724.389	202.934.356	Bình thường	
III	Trạm thu phí - Nhà điều hành và các công trình, thiết bị phụ trợ		HTKT cấp III						67.373.614.880	67.373.614.880		55.353.373.883	55.353.373.883		12.020.240.997	12.020.240.997			
III.1	Về đất							24.419,72											Quyết định số 4411/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cục ĐBVN cập nhật và chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm kê, kiểm đếm tài sản
1	Diện tích đất lưu không							6.735,47											
2	Diện tích khu vực trạm thu phí							13.404											
3	Diện tích khu điều hành							4.280											
III.2	Về nhà								67.373.614.880	67.373.614.880	0	55.353.373.883	55.353.373.883	0	12.020.240.997	12.020.240.997	0		
1	Trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường		49.096.938.492	49.096.938.492		40.552.091.877	40.552.091.877		8.544.846.614	8.544.846.614		Bình thường	Nguyên giá tài sản xác định theo văn bản số 1740/TCĐBVN-TC ngày 26/3/2019; Quyết định số 454/QĐ-TCĐBVN Ngày 03/02/2017. Cục ĐBVN cập nhật và chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm kê, kiểm đếm tài sản
2	Nhà điều hành thu phí 2 tầng và các công trình, thiết bị phụ trợ	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường	800	10.247.849.544	10.247.849.544		8.538.797.067	8.538.797.067		1.709.052.477	1.709.052.477		Bình thường	
3	Nhà ăn, nghỉ giao ca CBCNV 2 tầng	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường	980	7.382.276.794	7.382.276.794		5.758.175.900	5.758.175.900		1.624.100.895	1.624.100.895		Bình thường	
4	Nhà bảo vệ	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường	13	112.074.641	112.074.641		87.418.220	87.418.220		24.656.421	24.656.421		Bình thường	
5	Nhà để xe đạp, xe máy (cột sắt + lợp mái tôn)	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường	190	222.704.188	222.704.188		173.709.267	173.709.267		48.994.921	48.994.921		Bình thường	
6	Nhà gara ô tô + kho	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường	665	224.073.607	224.073.607		174.777.413	174.777.413		49.296.193	49.296.193		Bình thường	
7	Nhà đặt máy phát điện dự phòng	Cái	0	2012	01/11/2012	Thanh Hóa	Bình thường	12	87.697.614	87.697.614		68.404.139	68.404.139		19.293.475	19.293.475		Bình thường	